TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2020/DS- ST
Ngày: 21/8/2020
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hồ Văn Thái
2. Bà Nguyễn Thị Bé Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 13, 21 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 143/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2020 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Đỗ Cao Hoàng S, sinh năm 1990;
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của bà S: ông Nguyễn Dương Kim H, sinh năm 1964;

Địa chỉ: D2, cư xá P, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Trương Văn H, sinh năm 1969;
Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1968;
Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ông H, bà S, ông H, bà T có mặt tại tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Đỗ Cao Hoàng S ủy quyền ông Nguyễn Dương Kim H trình bày:

Theo sổ mua bán thức ăn thì từ năm 2018 vợ chồng ông Trương Văn H và bà Nguyễn Thị Diễm T có hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi heo của đại lý thức ăn chăn nuôi Đỗ Cao Hoàng S. Khi mua bán các bên chỉ thỏa thuận miệng, không có lập hợp đồng nhưng có mở sổ theo dõi số lượng thứa ăn mua bán, thỏa thuận cuối vụ

nuôi hộ nuôi bán heo trả tiền thức ăn trong vụ đó (mỗi vụ nuôi khoảng 04 tháng). Do nhiều lần yêu cầu ông H và bà T bán heo nhưng không thanh toán cho hết số tiền còn nợ cho bà S nên các bên chấm dứt mua bán thức ăn với nhau. Ngày 26/9/2019 tổng kết nợ thì ông H và bà T còn thiếu bà S số tiền là 211.392.000 đồng. Sau đó, ông H và bà T có trả cho bà S số tiền 20.000.000 đồng cụ thể vào các ngày 30/10/2019 trả 10.000.000 đồng, ngày 22/01/2020 trả 10.000.000 đồng. Sau khi bà S nộp đơn khởi kiện tại Tòa thì ông H và bà T có trả thêm cho bà S 100.000.000 đồng vào ngày 23/6/2020. Do nhiều lần yêu cầu ông H và bà T thanh toán cho hết số tiền còn nợ nhưng ông H và bà T không trả. Trong đơn khởi kiện yêu cầu ông H và bà T liên đới trả số tiền nợ gốc còn thiếu là 91.392.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 27/9/2019 đến ngày 27/6/2020 là 09 tháng với mức lãi suất là (91.392.000 đồng x 0,83%) x 9 tháng = 6.800.000 đồng.

Trong đơn khởi kiện bà S yêu cầu ông H và bà T liên đới trả số tiền nợ gốc còn thiếu là 191.392.000 đồng và tiền lãi tạm ttính từ ngày 27/9/2019 đến ngày27/7/2020 và tiền lãi phát sinh đến ngày tòa xét xử với mức lãi suất x 0,83%/tháng.

Tại phiên tòa ông đại diện bà S yêu cầu ông H và bà T liên đới trả số tiền nợ gốc còn thiếu là 91.392.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 27/9/2019 đến ngày 27/7/2020 là 10 tháng với mức lãi suất x 0,83%/tháng, số tiền là 7.585.000 đồng. Tổng số tiền bà S yêu cầu ông H và bà T liên đới trả là 98.977.000 đồng, rút yêu cầu đối với 100.000.000 đồng và tiền lãi của 100.000.000 đồng.

Bị đơn ông Trương Văn Hùng trình bày:

Ông và vợ là bà Nguyễn Thị Diễm T có mua thức ăn chăn nuôi heo của đại lý thức ăn Đỗ Cao Hoàng S từ năm 2014. Khi mua các bên chỉ thỏa thuận miệng và có lập sổ theo dõi, hai bên thỏa thuận khi nào có heo ra chuồng (khoảng 5 – 6 tháng) thì thanh toán tiền thức ăn. Thời gian đầu hai bên làm ăn rất thuận lợi và suông sẻ, có heo ra chuồng là ông thanh toán tiền nợ ngay cho bà S. Tuy nhiên, do sau này heo bị dịch bệnh tai xanh chết nhiều và năm 2019 bị bệnh tả heo Châu Phi nên toàn bộ số heo ông nuôi đã bị tiêu hủy vào ngày 01/10/2019 dẫn đến việc chăn nuôi thua lỗ nên ông mới bắt đầu nợ tiền thức ăn của bà S. Ngày 01/10/2019 ông và đãi lý của bà S có chốt nợ với nhau thì ông còn thiếu đại lý H số tiền là 211.392.000 đồng nhưng ông đã trả cho bà S được 03 lần với số tiền 120.000.000 đồng, cụ thể ngày 30/10/2019 trả 10.000.000 đồng, ngày 22/01/2020 trả 10.000.000 đồng, ngày 23/6/2020 trả 100.000.000 đồng. Hiện nay ông còn nợ bà S số tiền là 91.392.000 đồng. Ông đồng ý cùng bà T liên đới trả cho bà S số tiền còn nợ này nhưng do hoàn cảnh gia đình ông hiện nay khó khăn, chăn nuôi trồng trọt đều không được nên ông không thể thanh toán hết số nợ cho bà S trong một lần ông xin được trả dần trong 04 năm và không đồng ý với yêu cầu tính lãi. Việc chăn nuôi heo là để ông tạo thu nhập cải thiện kinh tế gia đình.

Sau khi chốt nợ vợ chồng ông và bà S có thỏa thuận miệng mỗi năm vợ chồng ông trả 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Diễm T trình bày: bà thống nhất với trình bày của chồng bà là ông Trương Văn H. Bà đồng ý cùng ông H liên đới trả số nợ này cho bà S nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần trong thời gian 04 năm, không đồng ý trả lãi do hoàn cảnh khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, qua tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Đối với yêu cầu của nguyên đơn là tranh chấp hợp đồng dân sự về việc mua bán tài sản. Căn cứ khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã T, huyện M, căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông H trình bày trong đơn khởi kiện, bà S yêu cầu ông H và bà T liên đới trả số tiền nợ gốc còn thiếu là 191.392.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 27/9/2019 đến ngày 27/5/2020 và lãi phát sinh đến ngày tòa xét xử với mức lãi suất x 0,83%/tháng, nay ông đại diện bà S yêu cầu ông H và bà T liên đới trả cho bà S số tiền thức ăn chăn muôi còn nợ là 91.392.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 27/9/2019 đến ngày27/7/2020 rút yêu cầu đối với 100.000.000 đồng và tiền lãi của 100.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với 100.000.000 đồng và tiền lãi của 100.000.000 đồng là phù hợp.

Bị đơn ông Trương Văn H, bà Nguyễn Thị Diễm T thừa nhận còn nợ 91.392.000 đồng, ông bà đồng ý liên đới trả nhưng xin trả dần trong 04 năm. Đối với yêu cầu tính lãi không đồng ý trả do không có khả năng trả.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi giữa các bên được hai bên các bên thừa nhận có thật, phía ông H và bà T thừa nhận còn nợ bà S số tiền là 91.392.000 đồng tiền thức ăn gia súc như phía bà S yêu cầu. Đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh nên có cơ sở khẳng định ông H và bà T còn nợ bà S tiền thức ăn chăn nuôi. Tuy nhiên, ông H và bà T đồng ý trả nhưng ông bà xin trả dần số tiền này trong thời hạn bốn năm cho đến khi hết nợ vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn nhưng phía bà S không đồng ý. Đối với lời trình bày của ông H, bà T cho rằng có thỏa thuận với bà S 01 năm trả 20.000.000 đồng nhưng ông, bà không có chứng cứ chứng minh và bà S cũng không thừa nhận. Hội đồng xét xử thấy rằng, các bên thỏa thuận từ ngày mua thức ăn đến ngày trả tiền là khi heo ra chuồng nhưng ông H và bà T không trả tiền theo đúng thỏa thuận và ông H và bà T đã không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ trả tiền của bên mua nên buộc ông H và bà T phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền còn nợ là 91.392.000 đồng cho bà Sang là phù hợp. Việc ông H, bà T xin trả dần là không có cơ sở nên không chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng, theo tài liệu, chứng cứ thì ngày chốt nợ là ngày 26/9/2019 nên việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi tính tiền lãi từ ngày 27/9/2019 đến ngày 27/7/2020 là phù hợp, tổng số tiền thức ăn gia súc còn thiếu của bị đơn là 91.392.000 đồng. Theo qui định hiện nay lãi suất không vượt quá 10%/năm nên lãi theo qui định là 0,83%/tháng. Như vậy, số tháng bị đơn phải trả 10 tháng 16 ngày nhưng phía đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi 10 tháng với số tiền là 7.585.000 đồng là sự tự nguyện của nguyên đơn nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông H và bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 430, 431, 433, 440 ,468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 100.000.000 đồng và tiền lãi của 100.000.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Đỗ Cao Hoàng S.

Buộc ông Trương Văn H và bà Nguyễn Thị Diễm T liên đới trả cho bà Đỗ Cao Hoàng S số tiền thức ăn chăn nuôi còn thiếu là 98.977.000 đồng trong đó 91.392..000 đồng tiền thức ăn và 7585.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có qui định khác.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Trương Văn H và bà Nguyễn Thị Diễm T liên đới phải nộp 4.948.500 đồng.

Hoàn trả cho bà Đỗ Cao Hoàng S số tiền tạm ứng án phí là 5.100.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0012121 ngày 10/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án; để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm

Nơi nhận:
- *TAND Bến Tre (01b);*
- *VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (02b);*
- *Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc(01b);*
- *Đương sự (03b);*
- *Lưu HS, VP (03b).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Uyên

Các thành viên Hội đồng xét xử Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa